

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HSST
Ngày: 07/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Nam Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Như Kiên** – Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

2. Ông **Đinh Búi** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lơ Pang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hải** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Võ Đăng Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2017/HSST, ngày 28/4/2017 đối với bị cáo:

VI VẤN H

Sinh năm: 1993 tại tỉnh L; Nơi cư trú: Làng C, xã L, huyện M, tỉnh G; Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Vi Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

Ông **Ngô Tùng H** – Sinh năm: 1966.

HKTT: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Nơi tạm trú: Làng C, xã L, huyện M, tỉnh G. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- 1- Ông **Ngô Tấn H** – Sinh năm: 1992
Trú tại: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
- 2- Ông **Nông Văn T** – Sinh năm: 1988
Trú tại: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
- 3- Ông **Lê Trọng Huy H** – Sinh năm: 1994
Trú tại: Làng N, xã I, TP. P, tỉnh G. Vắng mặt.
- 4- Ông **Lê Trọng L** – Sinh năm: 1963
Trú tại: Làng N, xã I, TP.P, tỉnh G. Vắng mặt.
- 5- Ông **Lê Trung T** – Sinh năm: 1970
Trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Vắng mặt.
- 6- Bà **Bùi Thị Minh T** – Sinh năm: 1974
Trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Vắng mặt.
- 7- Bà **Nguyễn Thị C** – Sinh năm: 1965
Trú tại: Làng C, xã L, huyện M, tỉnh G. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Vi Văn H bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 03/12/2016 Vi Văn H trên đường đi ngang qua khu vực rẫy thuộc làng C, xã L, huyện M, tỉnh G phát hiện xe mô tô mang Biển kiểm soát 81C1 – 08518, loại xe Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen của ông Ngô Tùng H đang dựng bên lề đường không có người trông coi, Vi Văn H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi quan sát xung quanh không thấy ai thì bị cáo H đi lại nơi chiếc xe máy đang dựng, thấy xe máy không khóa cổ nên bị cáo H dắt xe đi khoảng 400 mét rồi dùng tay mở yên xe thấy giấy tờ xe nên bị cáo lấy cất giấu trong người, rồi dùng tay rút dây bình và đạp cần khởi động cho xe nổ máy. Sau đó Vi Văn H điều khiển đến nhà trọ của Lê Trọng Huy H ở phường I, thành phố P nhờ Lê Trọng Huy H mang xe đi cầm cố. Lê Trọng Huy H hỏi giấy tờ xe thì bị cáo đưa giấy tờ xe mang tên Ngô Tấn H cho Lê Trọng Huy H xem đồng thời bị cáo nói *“không có chứng minh nhân dân nên không đứng ra cầm cố được”*. Khi Lê Trọng Huy H được bị cáo nhờ cầm cố chiếc xe trên thì Lê Trọng Huy H nghĩ chiếc xe trên là của bị cáo, bản thân Lê Trọng Huy H và bị cáo quen biết chơi với nhau chỉ biết tên H chứ không biết họ của bị cáo nên Lê Trọng Huy H đồng ý. Ngày 04/12/2016 Vi Văn H cùng Lê Trọng Huy H đến tiệm cầm đồ C&T của ông Lê Trung T tại thôn S, xã Đ, huyện M, tỉnh G, tại đây Lê Trọng Huy H đứng tên cầm cố xe mô tô mang Biển kiểm soát 81C1 – 085.18 với số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó Lê

Trọng Huy H đưa cho bị cáo số tiền 5.500.000 đồng, còn lại số tiền 4.500.000 đồng Lê Trọng Huy H mượn để tiêu xài cho cá nhân. Đến ngày 09/12/2016 sau khi tiêu xài hết số tiền trên, vì muốn có tiền nên Vi Văn H bán xe máy trên cho ông Nông Văn T với giá 13.000.000 đồng. Sau khi trả tiền chuộc xe với số tiền 10.200.000 đồng, còn lại số tiền 2.800.000 đồng Vi Văn H sử dụng cho cá nhân. Ngày 05/02/2017 ông Nông Văn T giao nộp xe mô tô mang Biển kiểm soát 81C1 -085.18 cho Công an huyện M. Đến ngày 08/02/2017 Vi Văn H đến Công an huyện M đầu thú đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL – ĐGTS ngày 14/02/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện M đã kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, BKS: 81C1 – 085.18, màu sơn đỏ đen, số máy: 5C64925765, số khung: 40CY925795 trị giá 15.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô mang BKS 81C1 – 085.18, số máy: 5C64925765, số khung: 40CY925795, loại xe Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen do ông Ngô Tấn H là chủ sở hữu. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

- Tiền Việt Nam: **4.500.000** đồng (do gia đình Lê Trọng Huy H nộp).

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn T yêu cầu bị cáo Vi Văn H trả lại số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*), quá trình điều tra bị cáo và gia đình đã trả cho ông T 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ông T yêu cầu bị cáo Hùng phải tiếp tục hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Tại Bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 26/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G đã truy tố bị cáo Vi Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Văn H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn H từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Bị cáo Vi Văn H thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô là sai trái, vi phạm pháp luật. Bị cáo cũng chấp nhận trả lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho ông Nông Văn T.

Người bị hại Ngô Tùng H không yêu cầu gì về dân sự, về hình sự đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Vi Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 03/12/2016, trên đường về nhà, Vi Văn H đi ngang qua rẫy của ông Ngô Tùng H thì phát hiện 01 (một) xe mô tô BKS 81C1 – 085.18, loại xe Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, trị giá 15.000.000 đồng của ông Hà đang dựng tại rẫy mà không có người trông coi. Vì muốn có tiền tiêu xài nên Vi Văn H đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nêu trên của ông Hà.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Bị cáo là người thành niên, bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì ham chơi, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của ông Ngô Tùng H. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây tâm lý hoang mang, không yên tâm lao động sản xuất trong cộng đồng dân cư tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tù buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam một thời gian nhằm giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Vi Văn H vì bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Trọng Huy H là người cùng bị cáo đi cầm cố xe mô tô BKS 81C1-085.18 nhưng Lê Trọng Huy H không biết xe mô tô trên là tài sản trộm

cấp nên không xử lý hình sự đối với Lê Trọng Huy H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Đối với ông Nông Văn T là người đã mua xe mô tô BKS 81C1-085.18 với số tiền 13.000.000 đồng của bị cáo Vi Văn H nhưng T không biết xe mô tô trên là tài sản trộm cắp nên không xử lý hình sự đối với Thịnh về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Đối với hành vi nhận cầm cố xe mô tô BKS 81C1-085.18 với số tiền 10.000.000 đồng của bà Bùi Thị Minh T và ông Lê Trung T nhưng bà T ông T không biết tài sản đó do bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý hình sự đối với bà T ông T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại ông Ngô Tùng H cũng như chủ xe là ông Ngô Tấn Hùng trong quá trình điều tra không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông T yêu cầu bị cáo đến ngày 15/7/2017 phải tiếp tục trả lại số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý với yêu cầu của ông T. Xét giao dịch mua bán xe mô tô giữa bị cáo H và ông T là vô hiệu do trái pháp luật, lỗi thuộc về bị cáo H, vì vậy ông Thịnh yêu cầu bị cáo H phải trả lại tiền là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà C đã nhận bồi thường thay bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường cho ông T nên Hội đồng xét xử không xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng gồm:

- 01 xe mô tô mang BKS 81C1-08518 thuộc sở hữu của ông Ngô Tấn H. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra quyết định trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tiền Việt Nam 4.500.000 đồng do gia đình Lê Trọng Huy H giao nộp. Xét đây là số tiền sau khi cầm cố xe, bị cáo đã đưa 4.500.000 đồng cho Lê Trọng Huy H mượn. Đây là số tiền xuất phát từ việc phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền này.

Về án phí: Bị cáo Vi Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Vi Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vi Văn H 09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày **08/02/2017**.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 131 của Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo **Vi Văn H** phải trả lại cho ông **Nông Văn T** số tiền **10.000.000** đồng (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tại thời điểm thanh toán.

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền **4.500.000** đồng (*Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo **Vi Văn H** phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **500.000** đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn **15** (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2017) bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Nam Trung